

Những Điều Mơ Ước

Phạm Tín An Ninh

Có một dạo, đi đâu tôi cũng nghe thiên hạ hát bài Con Chim Đa Đa, "sao không lấy chồng gần mà đi lấy chồng xa.." rồi đến bài Chị Tôi, "thế là chị ơi rụng bông hoa gạo". Đúng như người ta nói, Thơ và Nhạc có ngôn ngữ riêng của nó. Một người không có nhiều chữ nghĩa như tôi, nhiều khi say mê hát một bài hát mà sau đó suy nghĩ mãi vẫn không hiểu rõ ngọn ngành, ý nghĩa một vài câu. Trong bài Chị Tôi, tôi cũng rất ư là lờ mờ cái sự kiện.. rụng bông hoa gạo..và trời cho làm thơ.. này lắm. Dù vậy tôi vẫn thấy bản nhạc phổ từ một bài thơ chỉ vồn vện mấy câu này, khá hay. Mà ngay đến cái sự hay này tôi cũng mơ hồ, không biết có đúng là tôi biết thường thức thơ nhạc không, hay là chỉ vì có sự đồng cảm mà tôi thấy lòng mình xúc động. Bởi vì mỗi lần nghe ai đó hát bản nhạc Chị Tôi, tôi lại da diết nhớ đến bà Cô Út của tôi.

Từ lúc chưa tròn hai tuổi, tôi lớn lên trong cái bắt hạnh của một người chưa hề có "bông hồng cài áo". Mẹ tôi mất quá sớm, đến nỗi tôi không bao giờ hình dung được khuôn mặt hiền từ phúc hậu của bà như lời cha tôi kể lại. Nỗi bất hạnh đó lại càng lớn hơn, khi tôi không có một bà chị nào để được dịp nhìn dung nhan Chị mà mơ tưởng đến bóng hình của Mẹ. Ba tôi thì được Việt Minh đưa ra liên khu năm làm công tác "xóa nạn mù chữ". Khi lớn lên một chút, bắt đầu nhận hiểu được đôi ba điều quanh mình, tôi chỉ biết là hai anh em tôi lớn lên ở nhà ông bà nội, và trong vòng tay yêu thương cùng giọng hát ru hời của bà Cô Út.



Cô út tôi lớn hơn tôi hơn một con giáp. Ở nhà quê nhưng bà có cái tên nghe rất lạ: Phạm Thị **Mẫu Đơn**. Cho mãi đến lúc đi học tôi mới biết được cái tên này, vì mọi người đều gọi cô là con Út hay cô Út. Sau này tôi hỏi ba tôi về cái tên trong giấy tờ của Cô, được ông giải thích: Sự thực thì tên trong acte de naissance (khai sinh hồi thời Pháp thuộc) của Cô út là Phạm Thị Mau Đan (Phạm thị Mậu Dân), nhưng khi Cô tôi lớn lên và có chút nhan sắc, thì ông bà nội lại lo cho cái tuổi Dần cao số của Cô, nên khi có lệnh làm bản thế vì khai sinh tiếng Việt, ông bảo ba tôi xuống Huyện, nhờ ông anh họ làm chánh lục sự, sửa tên cô tôi thành Mẫu Đơn. Mang tên một loài hoa mà suốt cả một đời cô tôi không biết đó là loại hoa gì, chỉ nghe thiên hạ bảo loài hoa này đẹp lắm, thế thôi.

Có một điều chắc chắn là khi cô sinh ra Trời đã không "cho làm thơ", vậy mà suốt cả một đời Cô vẫn bị "vấn vương với sợi tơ trời, tình riêng bỏ chợ tình người đa đoan". Mà khổ thay, thằng cháu của Cô cũng dốt nát, chứ phải có tài năng một chút thì hôm nay nó cũng viết một bản nhạc hay chí ít cũng làm được mấy câu thơ để ca ngợi Cô. Vì so với người chị trong mấy bản nhạc Chị Tôi, bà Cô của tôi coi bộ còn thánh thiện và tội nghiệp hơn nhiều lắm.

Cô lo lắng chăm sóc hai anh em tôi không thua bất cứ một bà mẹ mẫu mực nào trên thế gian này. Lòng Cô lúc nào cũng "bao la như biển Thái Bình rạt rào", lời của cô lúc nào cũng "tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào" mà ông nhạc sĩ Y Vân đã từng ngợi ca, vinh danh người mẹ. Cô cũng là cô giáo vỡ lòng, dạy tôi hai tiếng I tờ, những câu tục ngữ ca dao. Lớn lên một chút, tôi được Cô ngồi bên cạnh dạy đọc truyện Chàng Nhái Kiền Tiên, Thạch Sanh Lý Thông, Phạm Công Cúc Hoa cho bà Nội tôi nghe mỗi tối. Mùa hè, tôi mê đá đé, Cô dẫn tôi ra trước hồ sen tìm bắt những con đé mun mà mỗi trưa Cô không ngủ, ngồi rình để nghe nó gáy từ chỗ nào. Thấy bọn trẻ hàng xóm thả diều, Cô cũng mò mẫm cả một ngày làm cho tôi cái diều to nhất. Tôi mê nuôi chim, Cô đi khắp nơi tìm mua cho tôi hai con chim keo màu xanh mượt và năn nỉ ông chú tôi làm cho tôi cái lồng thật đẹp. Những lần bị "ám đầu", tôi tha hồ nũng nịu, làm tình làm tội Cô tôi. Cô ngồi suốt bên cạnh, đắp lên trán tôi một cái khăn ướt, nấu cháo cá bỏ nhiều tiêu cho tôi ăn để "tháo mò hôi". Nghe nói Cô cũng ham học lắm, định xin ông bà nội cho học xong cái bằng primaire thì theo ông chú tôi đi dạy học mấy lớp nhỏ trường làng, Nhưng rồi mẹ tôi bất ngờ qua đời, bỏ lại hai anh em tôi. Cô đành phải nghỉ học ở nhà để chăm sóc hai thằng cháu dại, một đứa bốn tuổi và một đứa vừa mới lên hai. Năm tháng cô quanh quẩn trong nhà, làm công việc gia đình và lo lắng cho hai anh em tôi. Khi nào rảnh rỗi Cô nhờ ông chú của tôi chỉ cô học thêm mấy chữ tiếng Tây.

Cô chỉ có một người bạn thân, đó là bà cô họ của tôi. Hai người cùng tuổi và học chung một lớp. Khi Cô Út nghỉ học, thì bà cô họ này vẫn tiếp tục đi học mấy năm nữa, sau này làm y tá và lấy một ông chồng Tây, làm trong viện Pasteur của bác sĩ Yersin ở Nhatrang. Bà đi đó đi đây, lâu lâu trở về thăm quê vài bữa. Lần nào về cũng ghé lại thăm Cô Út tôi và trò chuyện cả đêm. Trông bà thật sang trọng. Cô Út thì trầm trồ những món nữ

trang đất tiền, nhất là sợi dây chuyền vàng có mặt ngọc thạch, thời ấy rất hiếm hoi. Còn tôi thì say mê chuyện đi đó đi đây mà bà cô họ thường kể cho cô cháu tôi nghe. Dường như từ ngày bà cô họ đi theo chồng, Cô Út không còn ai tâm sự, nên cô thường tâm tình với anh em tôi về chuyện tình duyên của mình. Có một ông thầy giáo dạy cùng trường với chú tôi, gốc Bình Định, khá bảnh trai, lớn hơn Cô hai tuổi, rất thương Cô và có nhờ người đến mai mối, nhưng Cô Út phần vì thương cảnh mồ côi của anh em tôi, một phần bị ám ảnh bởi những lời đồn đãi của thiên hạ: "tuổi Dần cao số, chỉ hợp với tuổi Dần", nên Cô từ chối cuộc hôn nhân. Ông thầy giáo Bình Định buồn tình nên xin đổi đi xa, làm lòng Cô cũng xoắn xang một dạo.

Năm tôi lên bảy, quê tôi có một trận lụt lớn, trận lụt tháng mười. Tôi nhớ loáng thoáng lời Cô tôi giải thích, vì "*ông tha mà bà không tha, bà cho cây lụt hăm ba tháng mười*". Nước từ đâu không biết tràn qua, kéo theo nhiều nhà cửa cây cối và cả trâu bò. Nhà ông nội tôi rộng lắm, mấy cây cột lớn có chạm trổ nhiều hình cầm thú, có mái ngói âm dương và nằm trên một nền gạch khá cao, được bao bọc bởi đủ thứ cây ăn trái, vậy mà bây giờ chung quanh tôi chỉ thấy toàn nước và nước. Ông Nội ra lệnh cho Cô phải giữ kỹ anh em tôi trên bộ phản trong nhà. Hai ngày sau mưa gió đã tạnh, nhìn qua khe cửa, anh em tôi thấy nước ngập cả sân nhà (nhà ông bà nội tôi có cái sân vuông khá rộng bằng xi măng, có bờ thành thấp chung quanh), nên năn nỉ Cô Út ra bịt mấy cái lỗ lù, không cho nước rút, và đứng trên thềm nhà canh chừng cho anh em tôi cởi truồng xuống sân bơi lội. Bất ngờ tôi phát hiện trong sân có mấy con cá, anh em tôi tha hồ hò hét rượt bắt cá. Ông Nội tôi nghe ồn ào, chạy ra nhìn thấy hai thằng cháu nội đang bì bõm trong cái sân ngập tràn nước lụt, ông không la chúng tôi mà rầy Cô Út tôi một trận, rồi cấm cung cô cháu tôi ở trên căn nhà thờ, lúc nào cũng đóng kín cửa, mà trước đây rất ít khi tôi dám tới vì rất sợ mấy cái bàn thờ có treo những tấm hình và nhiều bài vị viết chữ nhỏ, nhất là hai cỗ quan tài sơn đỏ, có hình con rồng con phượng hai bên. Cô tôi bảo đó là hai chiếc quan tài bằng gỗ quý để dành cho ông bà nội đến lúc qui tiên...

Thấy anh em tôi sợ, Cô Út trấn an bọn tôi bằng cách kể chuyện linh thiêng của những ông bà, tổ tiên đã khuất. Vong linh ông bà lúc nào cũng ở bên cạnh để phù hộ cho con cho cháu. Cô còn bảo nếu có ước mơ điều gì, thấp hương thành tâm khẩn nguyện, ông bà sẽ ban cho những điều ước muốn đó. Cô hỏi tôi, nếu bây giờ khẩn nguyện xin ông bà, thì tôi sẽ mơ ước được điều gì. Nhớ tới chuyện đi đó đi đây mà tôi rất say mê mỗi lần bà cô họ có chồng Tây kể lại, tôi nhanh nhẩu:

- Con mơ ước mai một lớn lên con được đi đó đi đây như bà cô họ vậy.

Rồi tôi hỏi ngược lại Cô Út, Cô nhìn tôi cười:

- Còn Cô thì chỉ mơ ước được một sợi dây chuyền mặt cẩm thạch màu xanh như của cô ấy, và có khắc hai chữ MĐ chính giữa.

Tôi tin lời Cô, kéo tay Cô đến trước bàn thờ thấp hương để hai cô cháu vái lạy xin Ông bà ứng nghiệm cho những điều mơ ước. Cô chịu tôi, hai cô cháu quỳ trước bàn thờ. Cô thì im lặng, còn tôi thì nói thật to lời ước của mình. Tôi sợ ông bà già quá, lảng tai, không nghe rõ lời cầu xin của mình.

Mấy năm sau, tôi đành phải rời quê, chia tay Cô Út vào Nha Trang đi học. Cô may cho tôi mấy bộ đồ mới, bao nhiêu tiền dành dụm được cô sắm cho tôi một chiếc xe đạp có ghi đồng hình chữ U mà tôi rất thích. Những năm học ở Nha Trang, dù tuổi đã lớn, nhưng lúc nào tôi cũng thấy thiếu vắng vòng tay và những lời triu mến của Cô tôi. Mỗi lần nghỉ hè về quê, tôi vẫn quanh quẩn ở bên Cô, như thuở mới lên ba, lên năm ngày trước. Lúc này Cô tôi đang làm nghề thợ may, nhưng chỉ làm việc tại nhà, để tiện việc săn sóc ông bà nội tôi, đã đến lúc tuổi già sức yếu. Cô tự tay may cho anh em tôi mấy bộ đồng phục học trò. Mùa hè trời nóng, tối nào cô cháu cũng mang chiếu ra trải bên cạnh hồ sen trước nhà. Trong gió nội hương đồng, cô cháu nằm tâm sự thâu đêm.

Khi biết tôi đi lính, Cô Út buồn ghê lắm. Hết ngăn cản rồi năn nỉ tôi. Cô bảo tôi không thương Cô, nên bỏ Cô mà đi lính, biết bao giờ Cô cháu mới được bên nhau như những ngày xưa, rồi Cô biết còn ai để mà tâm sự. Nhớ tới trận lụt tháng mười năm nào, Cô dạy cho tôi thấp hương khẩn nguyện ông bà, tôi thủ thủ với Cô:

- Con đi lính là nhờ Ông Bà trên bàn thờ đã ứng nghiệm cho con điều ước, được đi đó đi đây, đúng như Cô bày cho con đó.

Cô vừa cười vừa lau nước mắt.

Khi vào quân trường, hai người đầu tiên tôi viết thư là Ba tôi và Cô. Tôi kèm theo tặng Cô tấm ảnh mặc quân phục, tóc vừa cắt ngắn ba phân. Cô viết thư khen "*chú lính sửa của cô trông oai phong ghê lắm*". Mấy tuần sau khi tôi được gán alpha, Cô theo Ba tôi vào tận quân trường thăm tôi, mang theo cho tôi cả chục xoài tượng và mấy cái bánh rán (bánh cam) mà lúc nhỏ tôi rất thèm ăn. Ra trường, trước khi trình diện đơn vị, tôi

dành trọn mười lăm ngày phép quanh quần bên Ba tôi và Cô. Lúc này ông bà nội tôi đã qua đời và cô vẫn ở vậy chăm sóc ngôi nhà từ đường và lo việc cúng kỵ ông bà. Đêm nào Cô cũng niệm hương khấn vái thì thầm trước bàn thờ ông bà nội và má tôi, rồi bảo tôi cùng lại chấp tay lạy. Tôi nghe Cô xin ông bà và Má tôi phù hộ tôi, tránh được lần tên mũi đạn. Hơn mười năm trong lính, toàn là đánh đấm. Rất nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẻ tóc, tôi tin vào những lời thì thầm khấn vái hằng đêm của Cô.

Lần đầu tiên về phép từ một chiến trường khói lửa ở cao nguyên, tôi dành dụm mấy tháng lương, và mất hai ngày ở thành phố Ban Mê Thuột tìm mua cho Cô sợi dây chuyền vàng có mặt cắm thạch hình trái tim, loại đắt nhất. Tôi ngồi chỉ cho họ kẻ hai chữ MĐ thật đẹp chính giữa. Tôi về bất ngờ. Khi mới bước vào cổng nhà nội, tôi thấy Cô đang quét lá dưới gốc cây xoài. Con chó không nhận ra tôi sủa inh ỏi, Cô dừng tay nhìn. Mãi khi tôi đến gần Cô mới nhận ra. Cô nắm tay tôi mắng yêu:

- Tổ cha mày, vậy mà Cô cứ tưởng là ông thầy nào.

Tôi cười đùa:

- A, chắc là Cô Út tưởng con là ông thầy Bình Định ngày xưa chứ gì.

Buổi chiều, sau khi cơm nước xong, tôi dắt tay Cô tôi lên căn nhà thờ để cùng tôi thắp hương và lạy ông bà. Khi đứng lên, tôi bảo Cô nhắm mắt lại để thấy một điều kỳ diệu, rồi choàng vào cổ Cô sợi dây chuyền tôi vừa mua tặng. Lúc mở mắt ra, Cô mân mê cái mặt cắm thạch rồi cảm động nắm tay tôi:

- Cái này mắc tiền lắm. Con đi lính lương ba cọc ba đồng, lấy tiền đâu mà mua tặng Cô.

Tôi cười:

- Đâu phải con mua, mà là ông bà cho Cô theo lời ước của Cô đó chứ. Cũng như ông bà đã cho con bây giờ được đi đó đi đây rồi đây nè. Lời cầu xin của Cô cháu mình linh thiêng quá phải không Cô?

Thời gian này ở quê nội tôi mất an ninh. Ban ngày tôi quanh quần bên cô. Đến chiều, Cô dắt tôi xuống nhà chú tôi ở bên huyện ngũ. Cô ở với tôi tới tối mới về. Ngày mãn phép, tôi trở lại đơn vị, Cô giặt ủi mấy bộ áo quần của tôi xếp vào túi xách, kèm theo một gói xôi đậu xanh, để ăn dọc đường. Ngồi trên xe đò, khi lấy gói xôi ra ăn, tôi thấy có một cái túi nhỏ may bằng vải, mở ra tôi mới biết, một xấp tiền mới tinh xếp ngay ngắn trong đó. Nhớ tới cô, nước mắt tôi cứ trào ra.

Tôi theo đơn vị lưu động nay đó mai đây, nên rất khó nhận thư từ hộp thư KBC hậu cứ ở Ban Mê Thuột. Từ Quảng Đức, xuống Lâm Đồng rồi Phan Thiết. Mãi hơn nửa năm sau tôi mới nhận được cùng một lúc năm lá thư của Cô tôi gửi. Tôi mừng, khi Cô kể là có một ông thầy giáo gốc Huế, cùng tuổi dần với Cô, đã có một đời vợ, cùng làm nghề dạy học. Nhưng chỉ mới vài tháng sau đám cưới, người vợ trẻ bị chết cùng với mấy đứa học trò trong một trận pháo kích. Ông buồn quá, một phần không muốn mỗi ngày bị ám ảnh bóng hình của người vợ trẻ vừa mới chết oan, một phần không muốn nhìn thấy cái thành phố có những lăng tẩm uy nghi của một triều đại, nhưng đã để lại quá nhiều tranh chấp tôn giáo, phủ bóng mây mù chính trị lên từng ngôi trường, từng bục giảng. Bạn bè ông có mấy kẻ đã vào bụng. Ông xin chuyển vào dạy ở quê tôi vì có gia đình người bác ruột, ngày xưa làm xếp ga rồi lấy vợ ở lại đây luôn.

Tôi viết thư cho Cô, lên mặt thuyết giảng tình yêu, nào chuyện "*hữu duyên thiên lý năng tương ngộ*" nào là "*cả hai người cùng một tuổi Dần, thì sau này tát biển đông cũng cạn*". Mấy tháng sau tôi nhận thư hồi âm của Cô, có kèm theo lá thư ngắn của ông Thầy Huế mà nội dung là một bài thơ ngợi ca người lính. Tôi để dành tiền lương hằng tháng, chờ ngày về ăn đám cưới. Tôi đến một tiệm bán hàng thêu ở thành phố Phan Thiết đặt thêu một bức tranh có hình hai con cọp âu yếm nhau trong một rừng đầy hoa sim tím dưới ánh trăng để làm quà cưới cho Cô.

Sau trận Mậu Thân, đơn vị tôi tiếp tục mỗi ngày sống trong lửa đạn. Tôi không nhận được lá thư nào của Cô tôi. Tôi nghĩ chắc là Cô đã làm đám cưới, nhưng không biết có theo chồng về thăm Huế hay không. Tôi lo cho Cô, khi biết cả thành phố Huế đang đắm chìm trong vành tang trắng. Mấy tháng sau, tình hình trở lại yên tĩnh, được mười ngày phép, tôi khăn gói về thăm quê. Cô tôi vẫn sống âm thầm một mình trong nhà ông nội, Đám cưới không thành, không phải ông thầy Huế phụ tình, như một vài người bà con trong họ đã cảnh giác Cô từ lúc mới quen ông: "*đừng có quá tin mấy chàng trai xứ Huế*". Oan ức và tội nghiệp cho ông. Ông về Huế ăn Tết và xin cha mẹ được cưới Cô tôi, nhưng rồi không ngờ phải cùng chịu chung số phận với mấy ngàn người bất hạnh. Ông mất tích trong đêm mừng hai Tết. Mãi đến ba tháng sau, người nhà mới tìm được xác của Ông trong một hố chôn người tập thể. Cuối cùng thì.. Cô tôi "*vẫn chưa lấy chồng!*". Trên bàn thờ, tấm ảnh nhỏ của ông Thầy Huế được đặt ở một góc khiêm nhường.

Năm 1975, miền Nam bắt ngờ thua trận, tôi bị tù đày từ Nam ra Bắc, đến tận Lào Cai, Yên Bái. Ba tôi và ông chú bị bắt vào trại cải tạo trong Nam. Vợ con tôi cùng gánh chịu bao đắng cay hệ lụy, bơ vơ nheo nhóc. Lá chưa rụng mà phải về cội, vợ con tôi lại dắt díu nhau về ở với Cô tôi trong ngôi nhà xưa của ông bà nội, bây giờ trở nên trống vắng, nên chắc buồn và tĩnh mịch hơn xưa. Vợ tôi phải bươn chải làm ăn, nuôi bầy con bữa đói bữa no. Cô tôi bán đủ thứ trong nhà, và cuối cùng bán luôn cả sợi dây chuyền mặt cẩm thạch mà cô đã từng nâng niu như bảo vật, để lo cho mấy đứa con của tôi, và cùng vợ tôi dành dụm gởi cho tôi một ký lô đường và mấy lọ tếp mỡ sau khi biết tôi vừa trải qua một cơn kiệt lực, chỉ còn da bọc lấy xương. Tội nghiệp, tôi chỉ được phép nhận 200 gram đường và một lọ tếp mỡ, số còn lại bị sung vào nhà bếp hậu cần, vì số quà gởi "*ngoài qui định, không nằm trong chính sách*".

Tháng 6 năm 1976, ba tôi chết trong trại cải tạo Đá Bàn. Nhưng mãi đến hai năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Tôi khóc đến không còn nước mắt. Tám năm sau, tôi cũng được thả về. Lúc này vợ tôi không còn sống ở quê nội tôi, vì không tìm ra công việc gì làm, nên phải dắt theo hai đứa con nhỏ nhất trở lại Ninh-Hòa sống cùng ông bà già vợ của tôi, rồi chạy được cái "hộ khẩu" ở đây luôn. Còn bốn đứa con lớn thì vẫn ở lại quê nội tôi, nhờ cô tôi nuôi nấng. Sum họp được mới năm hôm, thời gian chưa đủ làm quen với mấy đứa con, mà lúc ra đi đứa nhỏ nhất còn nằm trong bụng mẹ, tôi được công an Thị Trấn Ninh Hòa gọi lên cho biết là chính quyền trên huyện không chấp nhận tôi tạm trú ở đây. Tôi bị gởi trả lại trại tù, rồi được chỉ định về "quản chế" tại nơi sinh quán. Cuối cùng, thì tôi cũng trở lại trong vòng tay của Cô tôi. Có điều bây giờ, Cô phải nuôi thằng cháu, đã gần nửa đời người, mà bỗng dưng trở thành vô gia cư vợ nghề nghiệp. Ăn cơm nhà nhưng hằng ngày tôi phải đi đắp đê, làm thủy lợi cho "nhân dân". Cô tôi bây giờ ốm yếu, đôi mắt buồn hiu hắt. Sau mấy năm khóc than cho những mất mát đổi thay trong gia tộc, Cô đã già nhiều trước tuổi. Vậy mà bây giờ còn phải lo gánh vác cho mấy cha con tôi. Đã vậy, ông chú của tôi, sau khi ở trại cải tạo về, phải dắt vợ và hai đứa con gái đi kinh tế mới. Bà thím bị sốt rét chết hai năm trước khi tôi về. Cứ vài hôm, ông chú phải tay dắt tay bồng đưa hai đứa con về đây gởi cho Cô tôi. Nhiều lúc âm thầm nhìn Cô "*lưng còng uốn nặng kiếp long đong*", tôi nghẹn ngào muốn khóc, nhưng có lẽ tôi cũng không còn nước mắt.

Khi tính chuyện vượt biển, tôi tâm sự xin Cô cùng đi với chúng tôi. "*Dù trôi nổi ở đâu, có cô bên cạnh là con măn nguyện rồi*" nhưng cô bảo Cô đã già, không muốn rời bỏ quê hương, hơn nữa còn phải trông coi ngôi nhà từ đường và mồ mã ông bà, không để cho hương tàn khói lạnh. Và còn phải phụ giúp ông chú tôi đang ốm đau, lo cho hai đứa con của chú ấy nữa.

Mấy ngày sau, tôi thấy Cô xuống tóc, và ăn chay trường. Đêm nào cũng quì trước bàn thờ. Tôi biết là Cô đang cầu nguyện cho tôi đi đến bến bờ. Hôm tiễn biệt, Cô nắm chặt tay tôi: "*xin ông bà và cha mẹ con phù hộ cho vợ chồng con và mấy đứa nhỏ*" rồi im lặng nhìn tôi với hai hàng nước mắt. Thuyền ra đến hải phận quốc tế thì gặp bão. Mưa gió suốt mấy ngày, không còn trăng sao để mà định hướng. Tất cả đàn bà con nít xuống dưới khoang thuyền. Chỉ có bọn đàn ông chúng tôi ở lại phía trên chống chọi với phong ba. Trong những lúc nguy khốn nhất, tôi lại nghĩ đến Cô, nhớ những lời cầu nguyện của Cô mà lấy lại niềm tin và can đảm. Cuối cùng, một chiếc tàu chở dầu của Vương quốc Na uy đã cứu vớt chúng tôi trước khi cơn bão chính ập tới. Từ trên tàu, vị thuyền trưởng giúp chuyển hộ mỗi người ba cái điện tín cho thân nhân. Người đầu tiên tôi báo tin mừng là Cô.

Sau khi định cư, tôi thường xuyên gởi thư thăm Cô và kèm theo tiền để giúp Cô cùng gia đình ông chú, và xây lại mồ mã ông bà. Cô mừng ghê lắm. Lá thư nào Cô cũng viết thật dài, khuyến khích tôi cố gắng làm lại cuộc đời và dạy dỗ cho con cái phải biết sống theo đạo lý và đừng bao giờ quên quê hương, nguồn cội của mình. Cô ở xa tôi cả nghìn trùng mà lúc nào tôi cũng tưởng Cô vẫn đang đâu đó bên mình. Mỗi lần gặp khó khăn, phiền muộn trên xứ người, cứ nghĩ đến Cô là lòng tôi phấn chấn. Bây giờ Cô đã già và chắc cũng yếu đi nhiều lắm. Vậy mà chỉ với hình bóng thôi, Cô đã cho tôi biết bao nghị lực.

Hai năm sau, tôi lại nhận được tin buồn. Ông Chú của tôi, sau bao năm chống chọi với bệnh tật mang về từ trại cải tạo, vừa mới lìa đời, giao hai đứa con gái lại cho Cô tôi nuôi nấng. Tội nghiệp cho Cô, đúng là "*Trời không nín gió cho ngày Cô sinh*", tuổi già rồi mà phải còn cưu mang con cháu. Lá thư báo tin buồn này là lá thư cuối cùng Cô tự tay nắn nót viết cho tôi. Những lá thư sau đó, mấy đứa con gái ông chú tôi viết. Tôi lo lắng hỏi Cô, Cô chỉ bảo đôi mắt của cô bây giờ hơi kém, nhưng dặn dò tôi không phải gởi thuốc thang gì, vì ở trong nước Cô mua cũng được. Cô khẩn khoản muốn tôi đưa mấy đứa con về cho Cô gặp lại một lần.

Hơn mười năm sau, khi nghe nhà nước có chút đổi thay, gọi những người vượt biển có tội phản bội tổ quốc ngày xưa là khúc ruột ngàn dặm, tôi dắt theo ba đứa con lớn về thăm quê hương. Đúng hơn là về tìm ngôi mộ cha tôi chôn trong núi bên trại cải tạo Đá Bàn và thăm bà Cô suốt cả một đời bảo bọc chúng tôi. Nhớ lại kỷ niệm xưa, tôi nhớ cô con gái lớn ở bên Cali, đến khu Phước Lộc Thọ tìm đặt mua cho tôi một sợi dây chuyền vàng, có mặt màu xanh cẩm thạch, khắc hai chữ MĐ chính giữa. Tôi nghĩ có lẽ đây sẽ là món quà có ý nghĩa, đền bù lại sợi dây chuyền tôi tặng Cô lúc trước, và để cho Cô được trẻ lại những ngày xưa.

Tôi không báo trước ngày về, vì muốn làm cho Cô bất ngờ và không phải khăn gói vào tận Sài Gòn để đón cha con tôi, như lời cô hứa. Quê nội tôi, cái làng Phú Hội một thời trù phú như cái tên gọi, bây giờ sao mà cằn cỗi, điêu tàn. Khi bước vào cổng nhà nội, tôi xa lạ đến thần thờ. Ngôi nhà ngày xưa rộng lớn, hồi còn nhỏ tôi đi còn sợ lạc, sao bây giờ nhỏ nhoi, tiêu điều và hiu quạnh quá. Tôi đứng giữa cái sân gạch mà ngày nào trời lụi, anh em tôi tha hồ bơi lội như trong một dòng sông, bây giờ chỉ còn lại cái nền loang lổ, phủ đầy những lá của cây xoài già héo úa, một thời xum xuê làm "bóng mát thiên đường" để Cô cháu tôi ngồi đọc truyện cho bà nội tôi nghe trong những buổi trưa hè. Cái hồ sen tỏa hương thơm ngát ngày xưa, bây giờ là một cái ao cạn đầy cỏ dại. Chỉ còn lại tiếng dế than rên rĩ. Không nghe con chó sủa. Nó là con vật trung thành, không giống như một số người sau tháng tư năm nào, phản suy phù thịnh. Có lẽ nó cũng buồn mà chết rồi sau cuộc đổi đời của chủ. Tôi và ba đứa con lạc lõng trong ngôi nhà mà tất cả đã từng một thời lớn lên ở đó, với biết bao là kỷ niệm buồn vui. Trong nhà không có một ai, ngoài bóng dáng của chính mình ngày trước. Bước ra cửa sau, tôi đứng lặng người khi thấy Cô Út ngồi quay lưng, vãi thức ăn cho một bầy gà. Mái tóc Cô bạc trắng. Cha con tôi đến đứng phía sau lưng, mà Cô không biết.

Mấy đứa con tôi cười khúc khích, Cô quay lại. Tôi ôm chầm lấy cô, nghẹn ngào không nói nên lời. Tôi ngạc nhiên khi nghe cô hỏi:

- Đứa nào đây?

Chẳng lẽ mới mười năm mà cô không còn nhận ra tôi. Buông cô ra, tôi suýt hét lên, khi biết là đôi mắt của Cô đã mù. Tôi chỉ thốt lên được mấy tiếng "*Cô ơi, thằng Ninh đây Cô*", rồi khóc nức nở. Sau một khắc yên lặng, tôi nghe Cô cười, rồi đưa hai tay sờ lên đầu lên mặt tôi, rồi đến mấy đứa con tôi. Tôi diu Cô vào nhà. Nhưng cô bảo là cô đi được. Cô nói là cả một đời cô ở đây, mọi ngõ ngách và đồ đạc trong nhà như in trong trí. Tôi hỏi mấy đứa con ông chú đâu mà để cô ở một mình. Cô cho biết là nhờ dành dụm số tiền tôi gửi về, đứa lớn đã ra nghề thợ may, vừa lấy chồng, mở tiệm ở dưới huyện. Còn đứa nhỏ, Cô cho đi học làm y tá, vẫn còn ở với Cô.

Thấy chúng tôi về, mấy người hàng xóm sang thăm. Ai cũng nhắc lại cái thời anh em tôi còn bé và ca ngợi Cô tôi hết lời. Không biết ai nhắn tin, hai cô em, con ông chú tôi cũng về ngay, có cả thằng em rể. Sau này tôi mới biết nó chính là cháu họ của ông thầy giáo Huế, người tình của Cô Út ngày xưa. Có sẵn chiếc taxi thuê bao, tôi mời Cô và mấy đứa em xuống phố ăn cơm, nhưng Cô không cho, bảo hai đứa em con ông chú làm thịt mấy con gà để mấy cô cháu vừa ăn vừa nói chuyện cho vui. Cả một tuần sau, tôi bận rộn lo việc cải táng phần mộ của ba tôi từ Đá Bàn về chôn trong nghĩa trang gia tộc, bên cạnh ngôi mộ của má tôi và ông bà nội. Cô Út theo ra đến tận nghĩa trang, đưa tay sờ ngôi mộ mới xây của ba tôi, rồi khóc sục sùi.

Hai tuần sau, tôi quanh quẩn bên cạnh cô tôi, kể lại hầu hết những kỷ niệm ngày xưa, và cuộc sống ở xứ người. Cô bảo có lần nằm chiêm bao, cô thấy ông thầy Huế về thăm Cô, nhưng người ông bê bết máu, Cô lấy khăn lau mãi mà máu vẫn cứ ứa ra. Đêm nào trước khi đi ngủ, Cô cũng bảo cha con tôi thắp hương và lạy trước bàn thờ. Tôi lại nhớ tới những điều cô cháu tôi ước mơ thuở trước. E dè mãi, đến đêm cuối cùng, khi đứng trước bàn thờ, tôi lấy sợi dây chuyền vàng có mặt cẩm thạch ra, đeo vào cổ cho Cô. Tôi ôm chặt Cô thì thầm: "*xin cho con trả lại Cô cái điều mà ngày xưa cô mơ ước*". Ba đứa con tôi vỗ tay phụ họa: "*đẹp lắm ! bà Nội ơi, đẹp lắm!*" Cô tôi không mân mê cái mặt cẩm thạch như lần trước, cách đây hơn bốn mươi năm, khi tôi tặng Cô, mà chỉ đứng lặng im, bất động. Tôi biết, trong đôi mắt mù lòa kia, dù không còn thấy cái mặt cẩm thạch màu xanh có khắc hai mẫu tự tên mình, nhưng Cô tôi đang nhìn thấy cả một quá khứ xa xăm, bao la và sâu thẳm như chính tấm lòng Cô.

Cuối cùng thì tôi cũng phải chia tay Cô, bỏ lại đằng sau dấu tích của cả một phần đời, mà tất cả vui buồn bây giờ đều đã trở thành kỷ niệm, nằm sâu chôn chặt tận đáy lòng. Tôi nghĩ, có lẽ đây là lần cuối cùng tôi gặp Cô. Dắt ba đứa con bước ra khỏi cổng nhà ông Nội, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Một câu hỏi chợt lóe lên trong đầu: *Rồi mai này, tôi lại tiếp tục lưu lạc tha phương. Cũng như sợi dây chuyền mặt cẩm thạch tôi vừa*

mới tặng cho Cô tôi, liệu cái việc đi đó đi đây trên xứ lạ quê người của tôi, có còn là những điều mà Cô cháu tôi đã từng một thời mơ ước?

Phạm Tín An Ninh
Vương Quốc Nauy
Mùa Vu Lan 2005